

NGHỊ QUYẾT

**Về một số cơ chế tài chính khuyến khích, hỗ trợ các tổ chức,
doanh nghiệp, cá nhân trong hoạt động khoa học và công nghệ
trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2021 - 2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH
KHÓA XIII – KỲ HỌP THỨ 21**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019; Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020; Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006; Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007; Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013; Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29 tháng 11 năm 2005; Luật sửa đổi bổ sung một số điều Luật Sở hữu trí tuệ ngày 25 tháng 6 năm 2019; Luật Chuyển giao công nghệ ngày 19 tháng 6 năm 2017; Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ngày 12 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ; Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ; Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật và Nghị định số 78/2018/NĐ-CP ngày 03 tháng 8 năm 2018 sửa đổi một số điều của Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật; Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Nghị định số 132/2008/NĐ-

CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ ban hành quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ;

Xét Tờ trình số 7958/TTr-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thông qua một số cơ chế tài chính khuyến khích, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân trong hoạt động khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, giai đoạn 2021 - 2025; Báo cáo thẩm tra số 883/BC-HĐND ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua một số cơ chế tài chính khuyến khích, hỗ trợ các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong hoạt động khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2021 - 2025, với những nội dung chính như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này áp dụng đối với các tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh tham gia hoạt động khoa học và công nghệ bao gồm: Phát triển tài sản sở hữu trí tuệ; tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm hàng hóa; hoạt động sản xuất, ứng dụng công nghệ cao, đổi mới và chuyển giao công nghệ.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân tham gia hoạt động khoa học công nghệ theo quy định của pháp luật tại Quảng Ninh;

b) Nghị quyết không áp dụng đối với các tổ chức có vốn đầu tư nước ngoài.

3. Nguyên tắc, phương thức hỗ trợ

a) Việc hỗ trợ đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, bình đẳng, không trùng lặp, trong trường hợp cùng nội dung, đối tượng được hưởng ở các chính sách khác thì tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân được lựa chọn một trong các hình thức hỗ trợ.

b) Không hỗ trợ cho các nội dung đã được thực hiện có sử dụng ngân sách Nhà nước.

c) Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ một lần sau đầu tư.

4. Nội dung và mức hỗ trợ

a) Hỗ trợ hoạt động xác lập quyền sở hữu trí tuệ

- Hỗ trợ 100 triệu đồng/giống cây trồng mới được cấp văn bằng bảo hộ.

- Hỗ trợ 50 triệu đồng/nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận được cấp văn bằng bảo hộ.

- Hỗ trợ 20 triệu đồng/nhãn hiệu gắn với địa danh tỉnh Quảng Ninh, được cấp văn bằng bảo hộ.

- Hỗ trợ 50 triệu đồng/sáng chế được cấp bằng bảo hộ.

- Hỗ trợ 30 triệu đồng/giải pháp hữu ích được cấp văn bằng bảo hộ.

- Hỗ trợ các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ở nước ngoài, gồm:

- + Hỗ trợ 100% phí đăng ký ra nước ngoài/đơn đăng ký nhãn hiệu có gắn chỉ dẫn địa lý về nguồn gốc xuất xứ của sản phẩm ra nước ngoài, tối đa 60 triệu đồng/đơn được chấp nhận đơn hợp lệ;

- + Hỗ trợ 100% phí đăng ký ra nước ngoài/đơn đăng ký bảo hộ nhãn hiệu thông thường/kiểu dáng công nghiệp ra nước ngoài, tối đa 30 triệu đồng/đơn được chấp nhận đơn hợp lệ.

b) Hỗ trợ trong lĩnh vực Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

- Hỗ trợ 30 triệu đồng/hệ thống cho việc xây dựng và áp dụng một trong các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến sau: Hệ thống thực hành sản xuất tốt - GMP; Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm - ISO 22000; Hệ thống phân tích mối nguy và điểm kiểm soát tới hạn - HACCP; Tiêu chuẩn về trách nhiệm xã hội (TCVN ISO 26000, SA 8000); Hệ thống quản lý an toàn thông tin (TCVN ISO 27001:2019).

- Hỗ trợ xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý tiên tiến ISO điện tử 30% giá trị hợp đồng tối đa không quá 300 triệu/hợp đồng/tổ chức, doanh nghiệp

- Hỗ trợ 50 triệu đồng/hệ thống cho việc xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý môi trường ISO 14001.

- Hỗ trợ 20 triệu đồng/sản phẩm được tiếp nhận công bố hợp chuẩn sản phẩm hàng hóa, tối đa 02 sản phẩm/tổ chức, doanh nghiệp.

- Hỗ trợ đạt Giải thưởng chất lượng Quốc gia, Quốc tế và các sản phẩm OCOP hàng năm, cụ thể như sau:

- + Giải thưởng chất lượng Quốc tế - Châu Á Thái Bình Dương: 100 triệu đồng.

- + Giải vàng chất lượng Quốc gia: 50 triệu đồng.

- + Giải thưởng chất lượng Quốc gia: 30 triệu đồng.

- + Sản phẩm OCOP của tỉnh đạt 5 sao: 30 triệu đồng/sản phẩm;

- + Sản phẩm OCOP của tỉnh đạt 4 sao: 20 triệu đồng/sản phẩm;

- Hỗ trợ tham gia Hệ thống truy xuất nguồn gốc của Tỉnh, của Quốc gia, sử dụng tem truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa và đăng ký, duy trì mã số, mã vạch hàng năm: 20 triệu đồng/tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân.

c) Hỗ trợ trong lĩnh vực công nghệ và thị trường công nghệ

- Hỗ trợ kinh phí cho tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân nhận chuyển giao công nghệ thuộc danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao theo quy định của Chính phủ hoặc công nghệ thuộc danh mục dự án ưu tiên thu hút đầu tư của Tỉnh; hợp đồng chuyển giao công nghệ được cơ quan có thẩm quyền cấp chứng nhận. Mỗi tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân được hỗ trợ không quá một hợp đồng trong một năm. Mức hỗ trợ như sau:

+ Hợp đồng chuyển giao công nghệ có giá trị trên 1.000 triệu đồng: Hỗ trợ 20% giá trị hợp đồng, tối đa 600 triệu đồng;

+ Hợp đồng chuyển giao công nghệ có giá trị từ 500 triệu đồng đến 1.000 triệu đồng: Hỗ trợ 25% giá trị hợp đồng, tối đa 200 triệu đồng;

+ Hợp đồng chuyển giao công nghệ có giá trị dưới 500 triệu đồng: Hỗ trợ 30% giá trị hợp đồng, tối đa 125 triệu đồng.

- Hỗ trợ 30% tổng mức phí của bài báo công bố kết quả nghiên cứu khoa học không sử dụng ngân sách nhà nước được áp dụng, triển khai trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh đăng trên một tạp chí khoa học quốc tế uy tín (SCI, SCIE, SSCI, A&HCI, ISI), tối đa 70 triệu đồng/bài báo.

5. Kinh phí thực hiện: Từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ hàng năm.

Điều 2. Thời gian áp dụng chính sách: Từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh giao

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban, các tổ và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XIII, Kỳ họp thứ 21 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2020 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2021. /.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội, Chính phủ (b/c);
- Ban CTĐB của UBND Quốc hội;
- Các bộ: Tài chính, KH&ĐT, KHCN, Tư pháp;
- Kiểm toán nhà nước;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội của tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XIII;
- Các ban Đảng và VP Tỉnh ủy;
- UBMTTQ và các đoàn thể tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Trung tâm Truyền thông tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Xuân Kỳ